



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Ngày 30/06/2025	13,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	16.0%	-2.9%	6.1%

DT thuần Q2/25
98.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼107 -52.0%
YoY: ▲ 35.9 57.4%

LN thuần Q2/25
25.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼42.8 -62.3%
YoY: ▲ 12.3 91.3%

LN sau thuế Q2/25
21.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼34.1 -61.1%
YoY: ▲ 12.4 131%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
26.7%
YoY: +/-▼ 6.1%

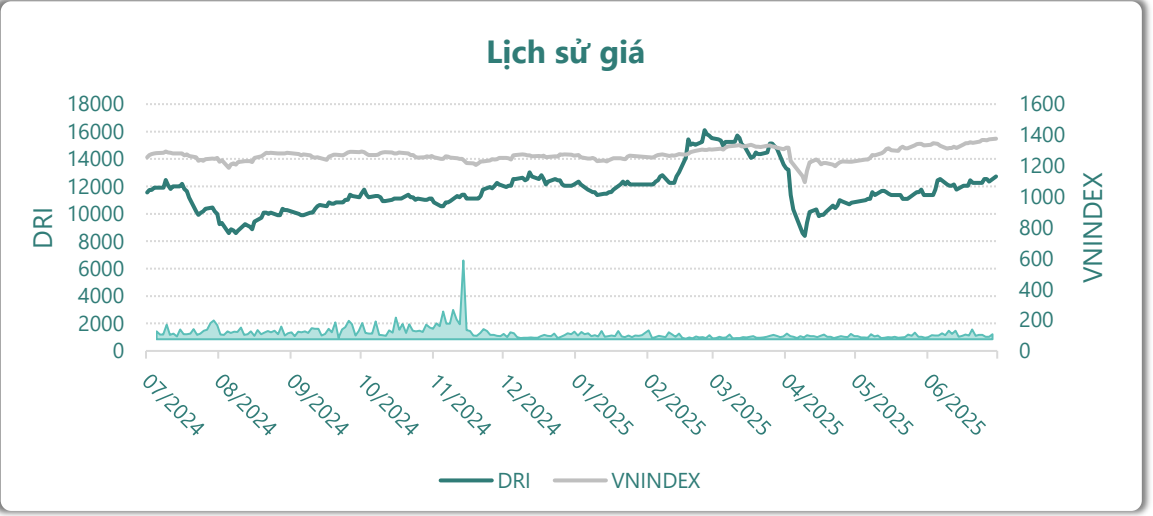
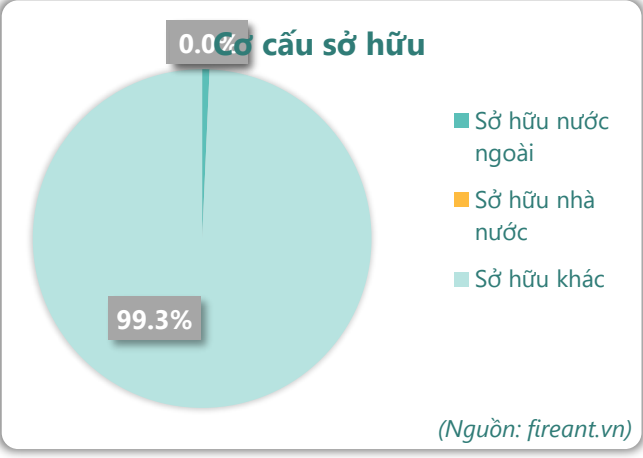
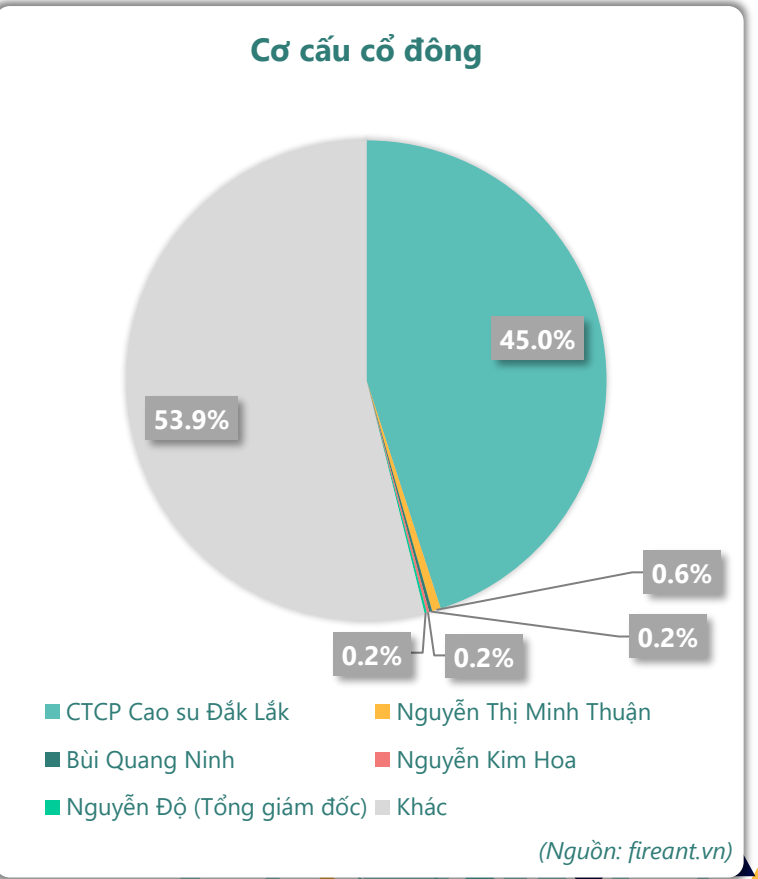
ROE (TTM) Q2/25
27.7%
YoY: +/-▲ 3.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,389 - 16,104
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	966
Số lượng CPLH (CP)	73,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,367,040
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	1.55
EPS	2,133
P/E	6.2

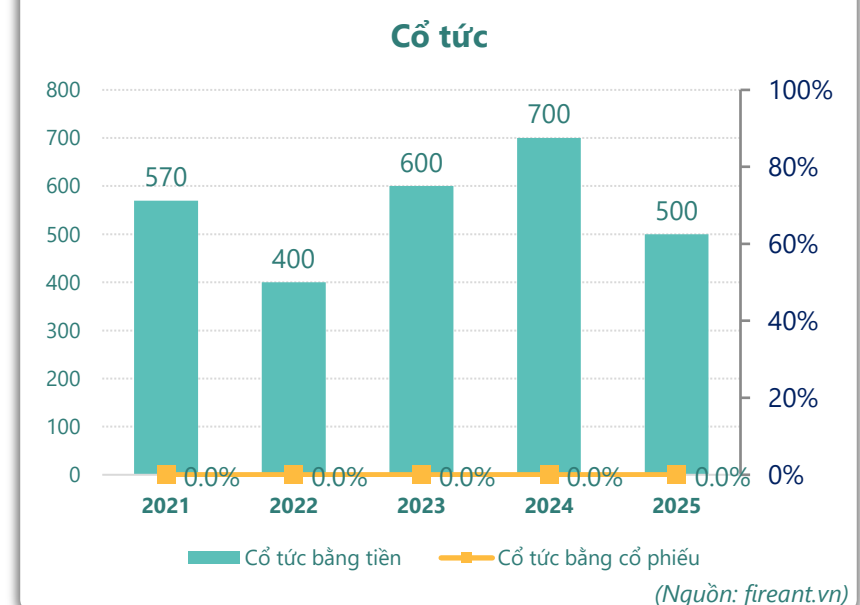
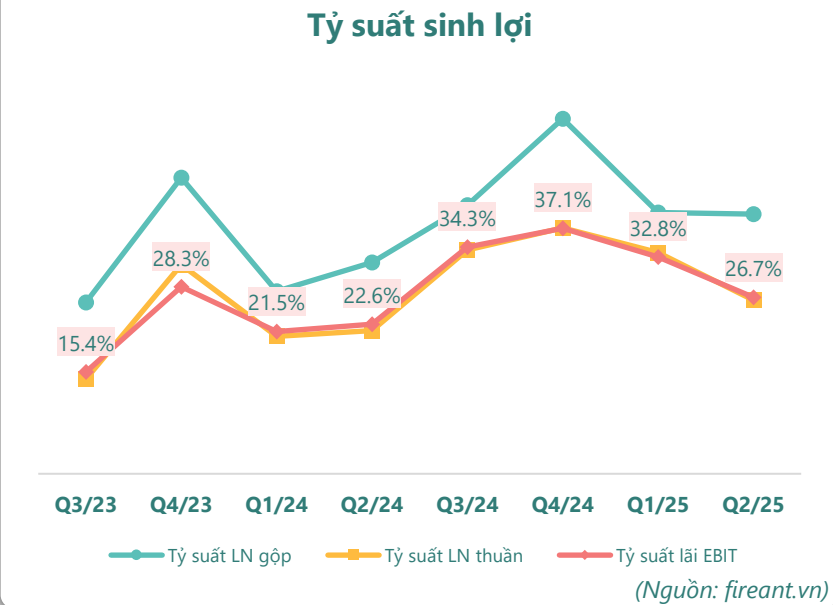
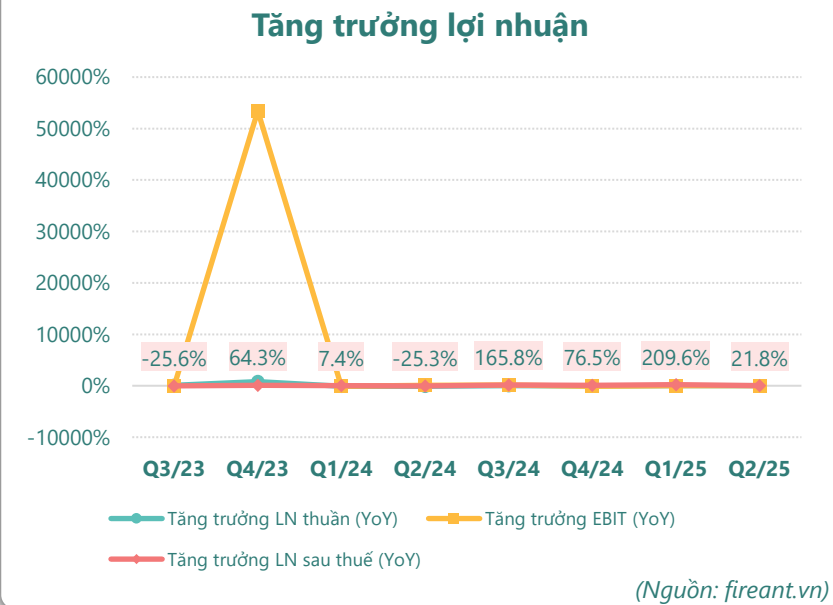
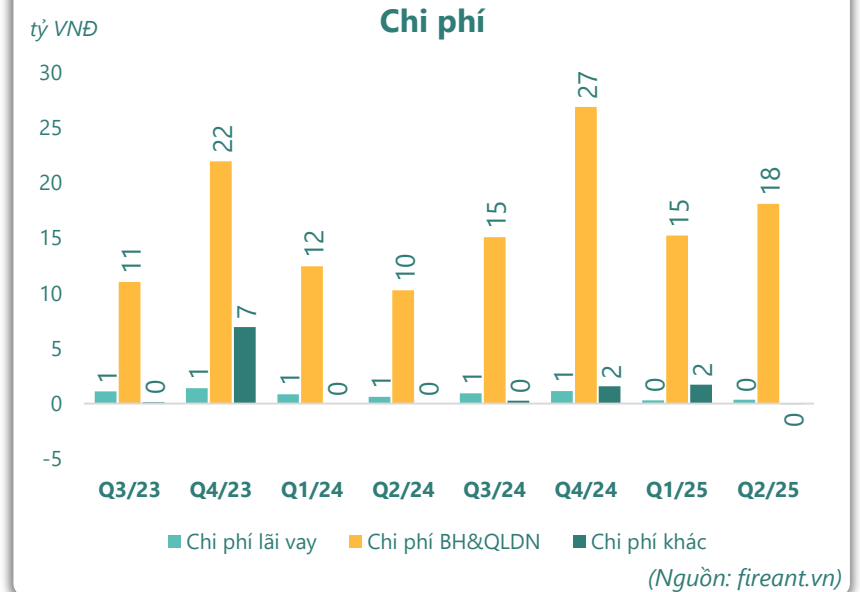
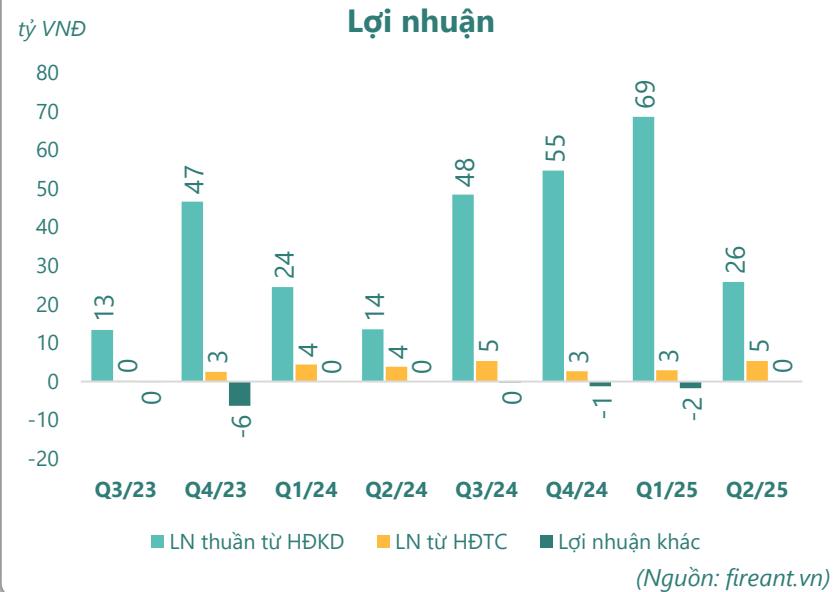
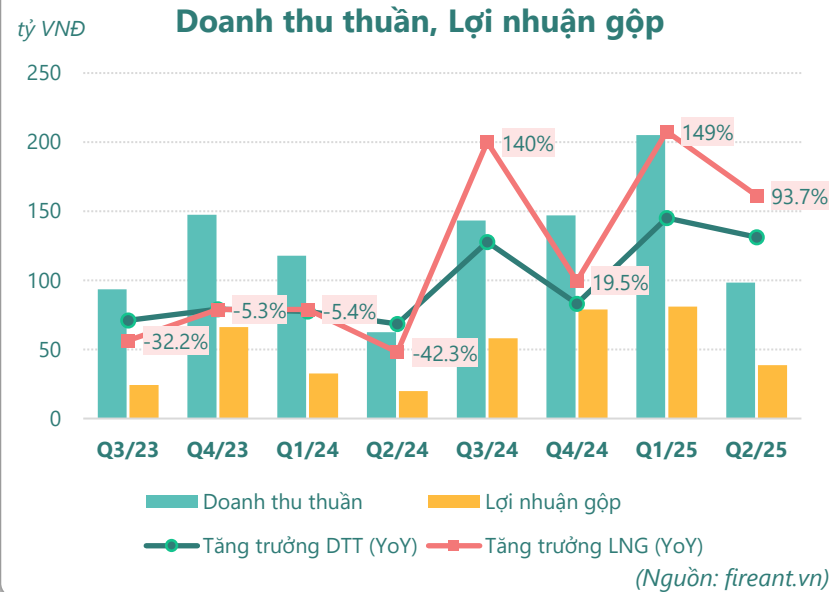
DT thuần 6T 2025
303
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 123 68.4%

LN thuần 6T 2025
94.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 56.5 149%

LN sau thuế 6T 2025
77.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 47.3 156%



KẾT QUẢ KINH DOANH



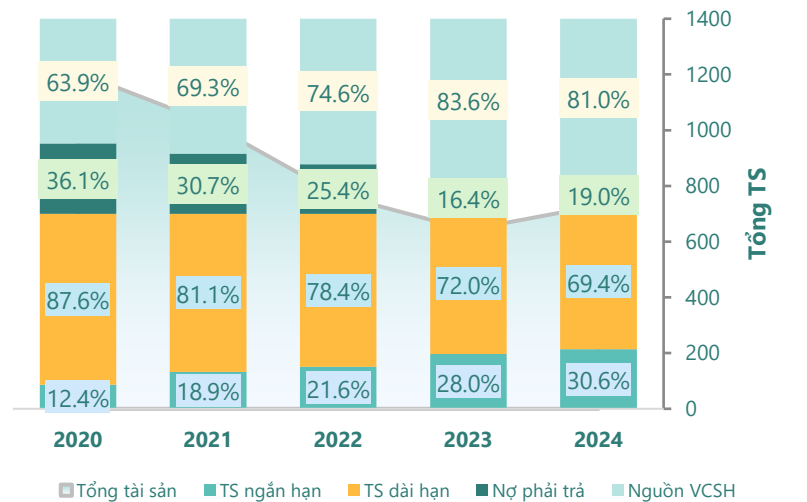


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

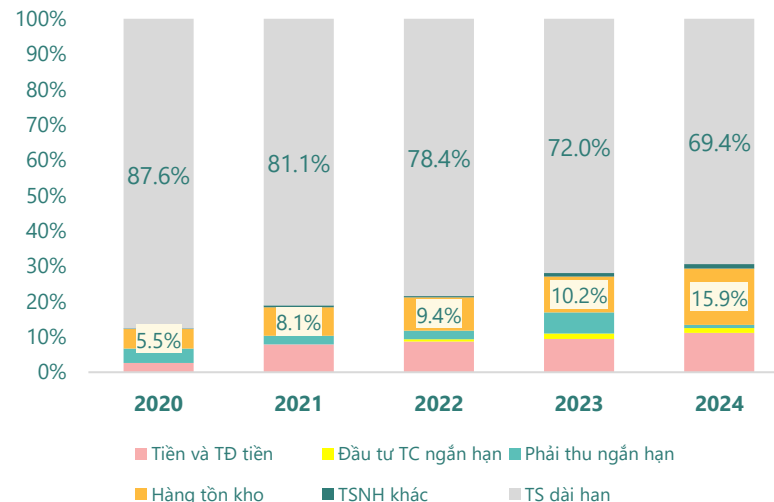
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

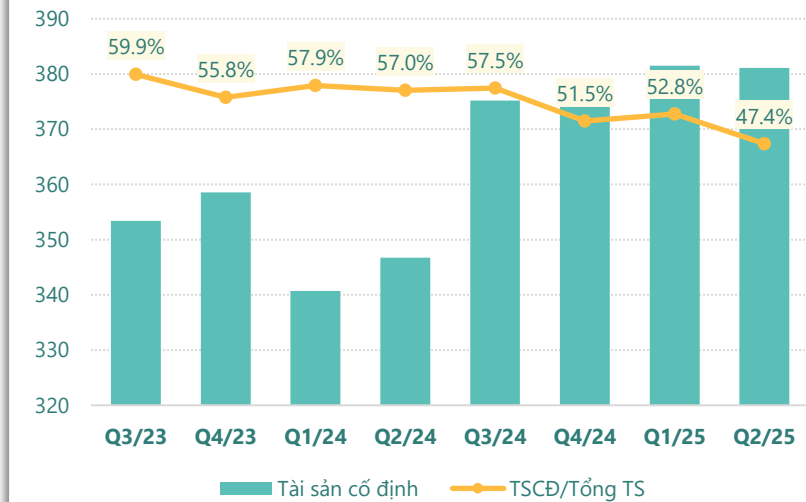
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

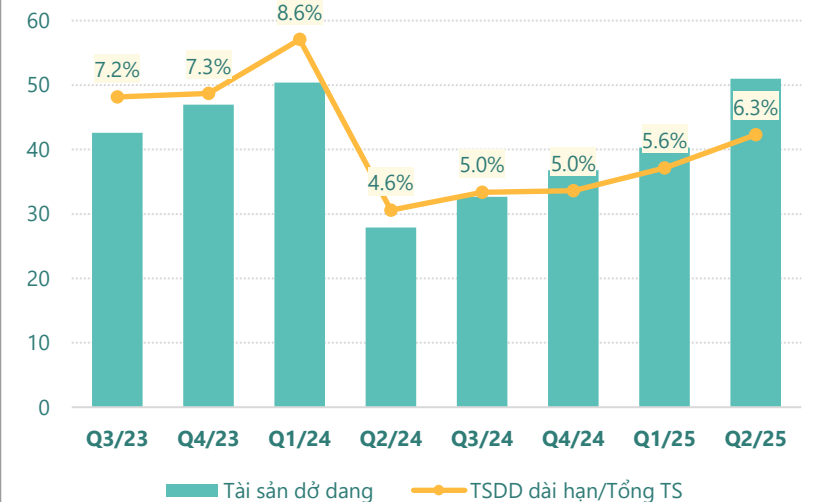
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

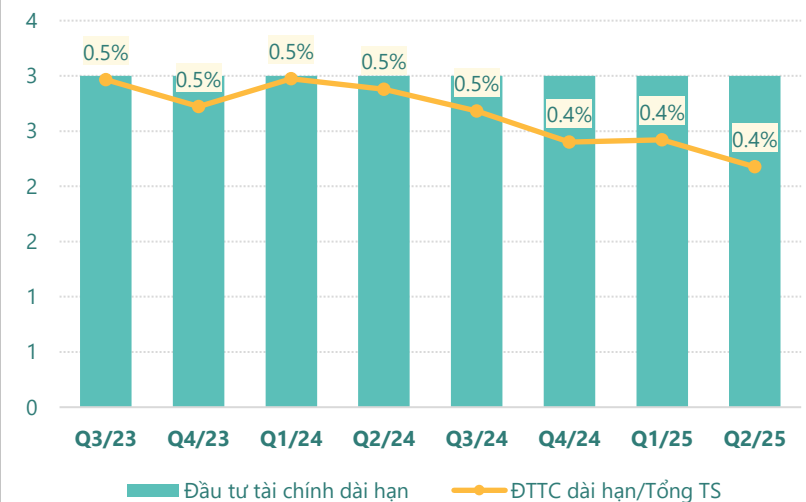
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

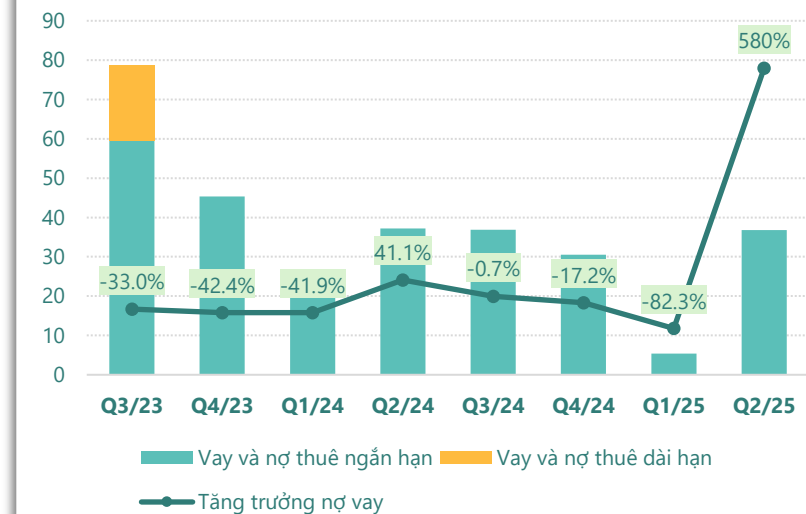
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

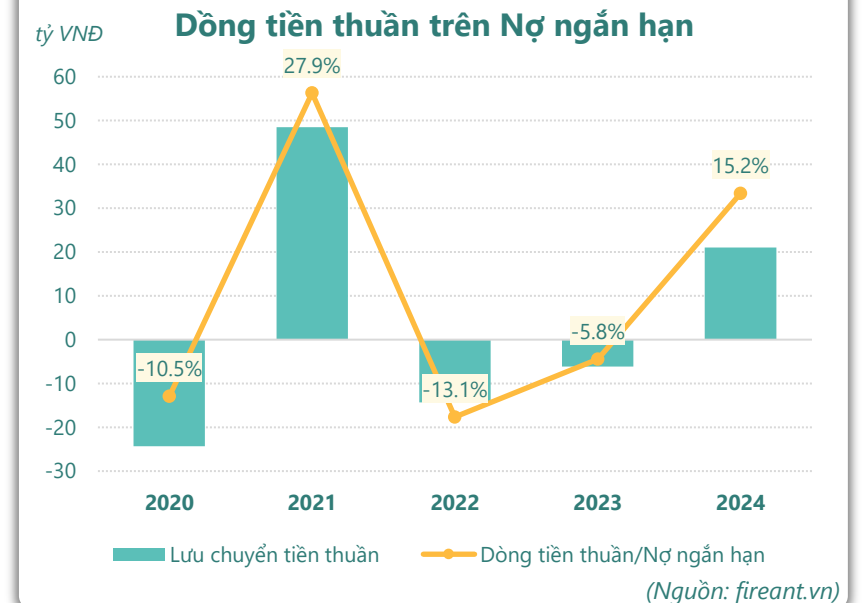
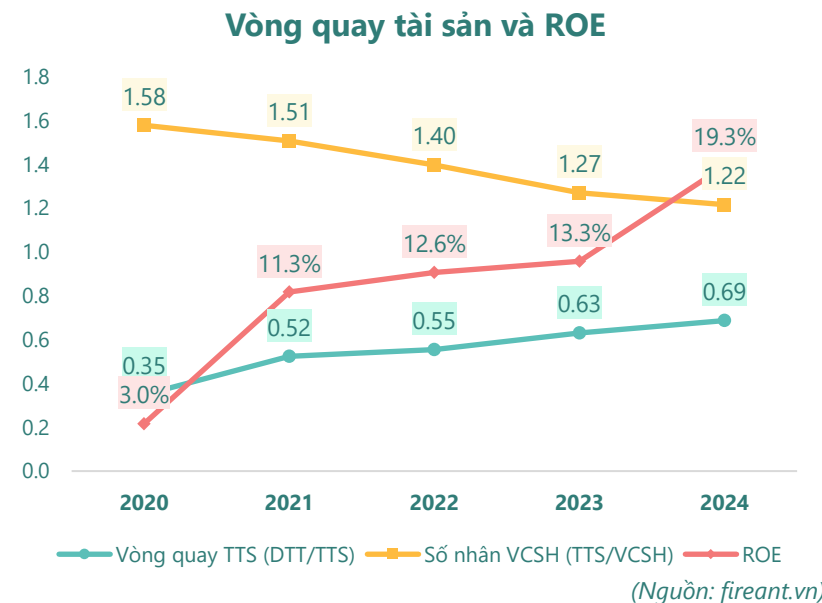
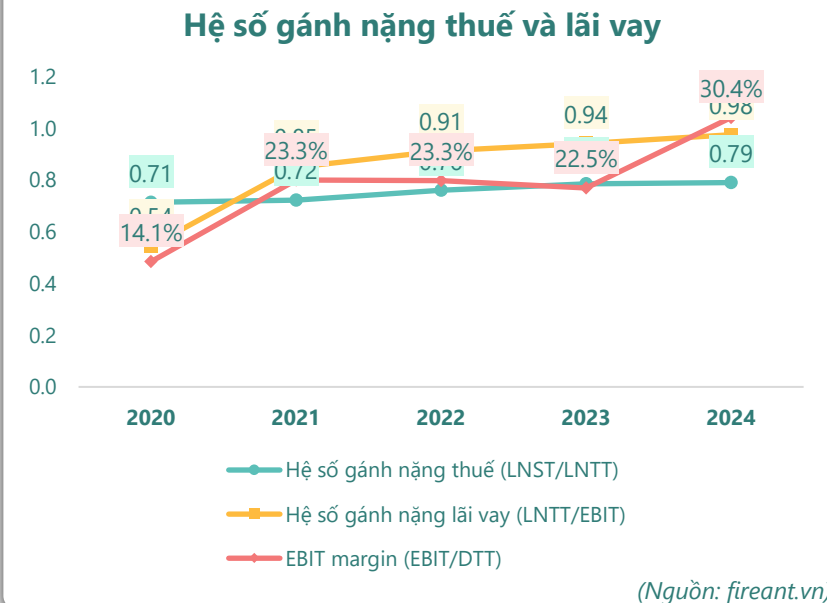
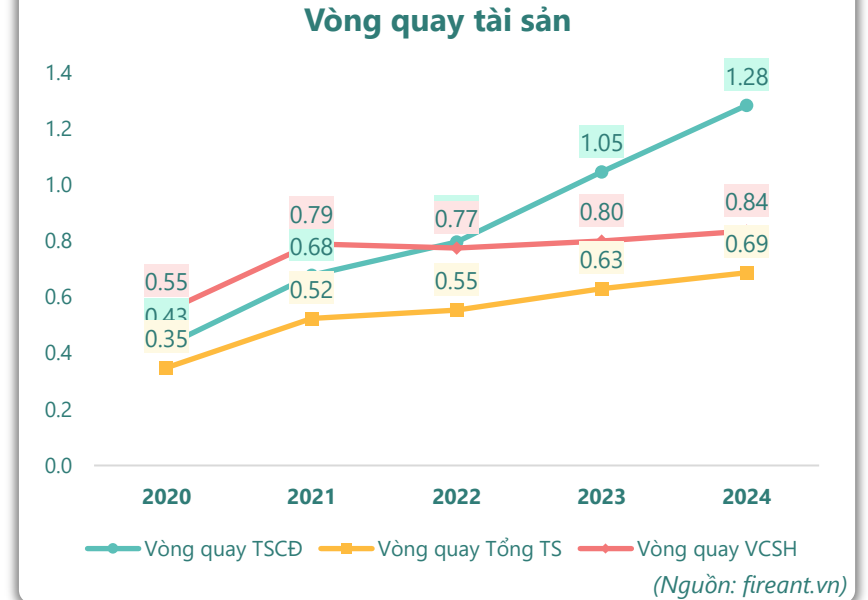
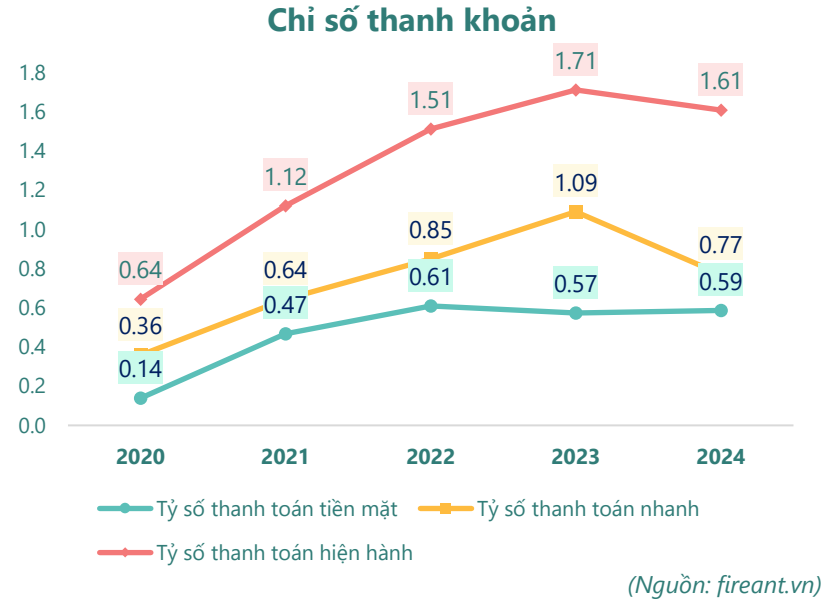
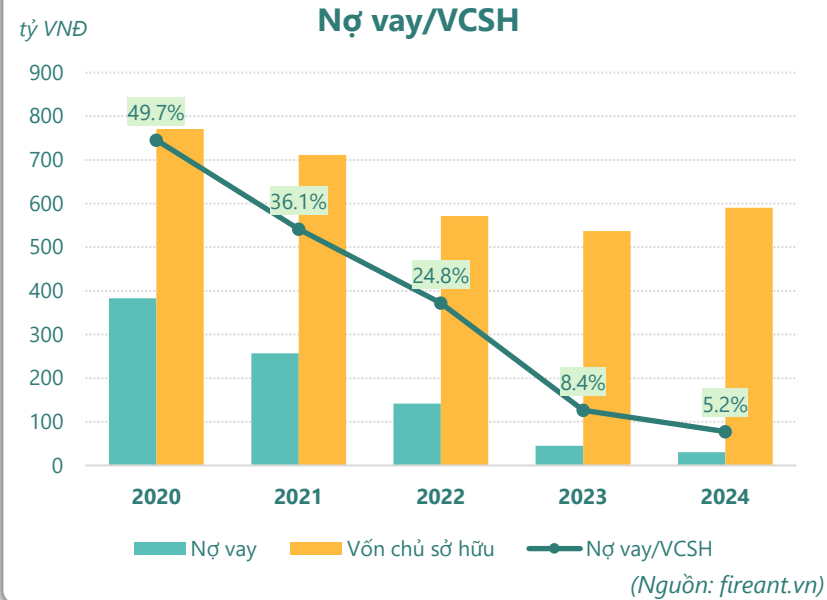
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	98.4	62.5	57.4%	303	180	68.4%
Giá vốn hàng bán	59.7	42.5	40.5%	184	128	43.9%
Lợi nhuận gộp	38.7	20.0	93.3%	120	52.5	128%
Doanh thu HĐTC	6.11	5.04	21.3%	10.2	10.4	-1.8%
Chi phí TC	0.81	1.19	-32.3%	2.02	2.12	-4.4%
Chi phí lãi vay	0.35	0.61	-42.3%	0.65	1.45	-55.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	6.48	4.74	36.8%	13.9	12.4	12.5%
Chi phí QLDN	11.6	5.55	110%	19.4	10.4	87.8%
LN thuần từ HĐKD	25.8	13.5	91.3%	94.5	38.0	149%
Lợi nhuận khác	0.07	0.00		-1.64	0	
LN trước thuế	25.9	13.5	91.9%	92.8	38.0	144%
Lợi nhuận sau thuế	21.8	9.42	131%	77.6	30.3	156%
LNST của CĐ cty mẹ	21.9	9.47	131%	77.8	30.4	156%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.3	-3.84	48.1	69.9	52.1	-18.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.8	-2.83	-5.93	1.43	-2.52	-6.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-35.7	8.31	-22.3	-40.8	-27.2	31.0
Tiền đầu kỳ	60.3	28.4	31.0	50.4	81.1	104
Lưu chuyển tiền thuần	-31.3	1.65	19.8	30.5	22.4	6.29
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.62	0.91	-0.37	0.15	0	5.48
Tiền cuối kỳ	28.4	31.0	50.4	81.1	104	115

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	804	729	10.3%
Tài sản ngắn hạn	276	223	23.9%
Tiền và tương đương tiền	115	81.1	42.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	13.0	6.48	100%
Hàng tồn kho	132	116	13.5%
Tài sản ngắn hạn khác	6.13	9.21	-33.4%
Tài sản dài hạn	528	506	4.3%
Phải thu dài hạn	80.0	80.0	0.0%
Tài sản cố định	381	375	1.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	51.0	36.8	38.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	13.1	11.0	19.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	169	138	22.1%
Nợ ngắn hạn	169	138	22.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.8	30.5	20.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	28.9	4.10	604%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	635	591	7.5%
Vốn chủ sở hữu	635	591	7.5%
Vốn điều lệ	732	732	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

